



Số: 1924/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/03/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1570/TTr-SNN ngày 12/5/2022; công văn số 2055/SNN-KHĐT và công văn số 2125/SNN-KHĐT ngày 22/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương,

Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa và Thể thao, Du lịch; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
 - Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
 - UBMTTQVN tỉnh;
 - Hội Nông Dân tỉnh;
 - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
 - Tỉnh đoàn;
 - Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
 - Báo Khánh Hòa, Đài PTTH tỉnh;
 - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
 - Lưu: VP, TL, TLe.
- NN-6.30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Đình Văn Thiệu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai
đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**
*(Kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

I. MỤC ĐÍCH

1. Tạo sự thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nội dung của Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21/03/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

2. Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, nhiệm vụ và giải pháp, xác định nhiệm vụ của các sở, ngành, tổ chức, cá nhân trong việc chỉ đạo và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp thực tiễn tại tỉnh Khánh Hòa.

3. Triển khai toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn bền vững như Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ đã đề ra.

II. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái. Nông nghiệp là lợi thế, nền tảng bền vững của quốc gia; nông thôn là địa bàn phát triển kinh tế quan trọng, là không gian chính gắn với tài nguyên thiên nhiên, nền tảng văn hóa, xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của đất nước; nông dân là lực lượng lao động và nguồn tài nguyên con người quan trọng. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá chung của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

2. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội - môi trường. Phát huy lợi thế, hiệu quả các nguồn lực (tài nguyên đất, nước, không khí, con người, truyền thống lịch sử, văn hóa) và khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm. Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Xây dựng nông thôn văn minh, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại, đời sống cơ bản có chất lượng tiến gần đô thị; bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp, an ninh trật tự được giữ vững; phát triển môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Phát triển kinh tế nông thôn đa dạng, chủ động tạo sinh kế nông thôn từ hoạt động phi nông nghiệp, tạo việc làm chính thức, thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nông thôn, thành thị và giảm di cư lao động ra các thành phố lớn. Xây dựng nông thôn mới trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng, phù hợp với từng vùng miền, gắn kết chặt chẽ với quá trình đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; tập trung xây dựng nông thôn mới cấp thôn bản ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Cư dân nông thôn là chủ thể, trung tâm và được hưởng lợi chính từ thành quả của các hoạt động phát triển nông thôn. Đổi mới hình thức hoạt động của các tổ chức của nông dân đảm bảo thực chất, hiệu quả; hỗ trợ đào tạo, trao quyền cho người dân để họ trở thành lực lượng chính trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội, quản lý tài nguyên môi trường; phát huy nội lực, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các điều kiện phát triển và hưởng thụ phúc lợi xã hội. Phát triển kinh tế hợp tác làm động lực gắn kết kinh tế hộ, hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, xây dựng lực lượng lao động nông thôn có kiến thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Phát triển cộng đồng làm nền tảng trong phát triển nông thôn, góp phần quản lý hiệu quả tài nguyên, môi trường, cơ sở hạ tầng; xây dựng nếp sống mới, phát huy tinh thần đoàn kết, “tương thân, tương ái, tình làng, nghĩa xóm”, tự chủ, sáng tạo của người dân nông thôn.

5. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư; tạo điều kiện, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

6. Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển những cây trồng, vật nuôi mà địa phương có thế mạnh, tiếp tục

phát huy thế mạnh phát triển thủy sản; trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả đề án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hiện đại hóa và chuyên môn hóa, nâng cao giá trị gia tăng; giảm dần tỷ lệ lao động nông nghiệp trong nông thôn; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống nông dân, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong nước và khu vực, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính.

- Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo.

- Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái có hiệu quả cao, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Phát triển ngành nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nhằm phấn đấu góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng; trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo được bảo đảm vững chắc. Theo đó, các mục tiêu của ngành như sau:

- Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 2,5 - 3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 5,5 - 6%/năm.

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5 - 6%/năm.

- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Phần đầu thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn từ 2 - 2,5 lần so với năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nông thôn giảm bình quân 1 - 1,5%/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp được đào tạo đạt trên 70%.

- Toàn tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 35% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn. Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định ở mức 46,5%.

3. Tầm nhìn đến 2050

Phần đầu đến năm 2050, tỉnh Khánh Hòa có nền nông nghiệp phát triển hiệu quả, bền vững, thân thiện với môi trường; ngành công nghiệp chế biến nông sản hiện đại mang lại giá trị gia tăng cao. Nông thôn không còn hộ nghèo và trở thành “nơi đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị.

IV. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN BỀN VỮNG

1. Hoàn chỉnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp gắn với lợi thế cạnh tranh và yêu cầu thị trường

Ưu tiên tập trung thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của từng vùng, địa phương, xây dựng nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm đặc sản địa phương cùng với việc xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo các tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường, cung cấp đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; xây dựng cơ sở hạ tầng, tổ chức dịch vụ hỗ trợ đồng bộ, hệ thống hậu cần thông suốt; đổi mới mạnh mẽ hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và liên kết với các tỉnh khác, kết nối

chuỗi giá trị. Ứng dụng linh hoạt, sáng tạo khoa học công nghệ trong qua trình sản xuất và chế biến nhằm mang lại hiệu quả cao.

a. Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực:

- Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển cân đối nhu cầu và đáp ứng yêu cầu thị trường; đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương có quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới theo Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

- Hoàn thiện sản phẩm theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bao bì, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc, thương hiệu địa phương và nhãn hiệu hàng hóa; tăng cường áp dụng công nghệ số trong quản lý và thương mại sản phẩm để từng bước đẩy mạnh thương hiệu OCOP trên thị trường trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

b. Đối với từng lĩnh vực sản xuất chiến lược:

- Trồng trọt: Đẩy mạnh đổi mới cơ cấu cây trồng nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và phát huy lợi thế tự nhiên. Ưu tiên phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và nhu cầu lớn, mang lại giá trị cao, tăng cường phát triển vùng chuyên canh tập trung như sầu riêng, mít tím ở Khánh Sơn, xoài ở Cam Lâm, bưởi da xanh ở Khánh Vĩnh, tỏi ở Ninh Hòa. Phục hồi cây ăn quả có tiềm năng như vú sữa ở Diên Khánh, dưa xiêm ở Tuần lễ Vạn Ninh... Thúc đẩy phát triển các cây trồng mới có triển vọng như cây dược liệu, cây cảnh, nấm ăn... Hướng tới xây dựng thương hiệu, nhãn mác gắn với truy xuất nguồn gốc mang thương hiệu địa phương.

Đối với sản xuất lúa gạo: Tiếp tục phát triển ổn định sản xuất lúa nhưng với những đổi mới về tư duy, chính sách quản lý, sử dụng đất trồng lúa và sản xuất lúa gạo - từ tập trung phát triển về sản lượng sang coi trọng chất lượng, vừa đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, vừa khai thác, sử dụng tài nguyên đất, nước một cách hiệu quả cao nhất. Quản lý chặt chẽ diện tích đất chuyên trồng lúa theo quy hoạch, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, với cơ chế, chính sách đầu tư phù hợp, đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Đồng thời, chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất lúa, bảo đảm mục tiêu giữ ổn định diện tích đất lúa; duy trì các vùng sản xuất nông nghiệp đa canh khi cần

có thể quay về sản xuất lúa một cách thuận lợi; đồng thời, kết hợp luân canh, xen canh giữa lúa với các cây nông nghiệp khác và thủy sản, chăn nuôi thủy cầm để tăng thu nhập cho nông dân và cải thiện hệ thống canh tác.

- Chăn nuôi: Đảm bảo các nhu cầu thiết yếu về thực phẩm cho thị trường trong tỉnh; phát triển các ngành hàng có tiềm năng và thị trường như thịt gia cầm, trứng, sữa; duy trì chăn nuôi lợn và gia súc lớn. Trong đó:

+ Phát triển ngành chăn nuôi đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

+ Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại, công nghiệp, gắn với an toàn dịch bệnh; chăn nuôi an toàn sinh học; khuyến khích phát triển hình thức chăn nuôi theo hướng hữu cơ; giảm thiểu các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tổng đàn lợn có mặt thường xuyên ở quy mô từ 400 đến 450 nghìn con; trong đó đàn lợn nái từ 25 đến 28 nghìn con; đàn lợn được nuôi trang trại chiếm trên 85%.

+ Phát triển chăn nuôi gia cầm theo phương thức trang trại, gắn với an toàn dịch bệnh; chăn nuôi an toàn sinh học; phát triển thể mạnh giống vật nuôi bản địa như giống gà Ri Ninh Hòa; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hạn chế ô nhiễm môi trường; khuyến khích phát triển những mô hình chăn nuôi liên kết theo chuỗi từ sản xuất, giết mổ đến tiêu thụ. Tổng đàn gà có mặt thường xuyên từ 3,5 đến 4,0 triệu con, trong đó khoảng 45-50% được nuôi theo phương thức công nghiệp.

+ Đàn bò ổn định ở quy mô từ 80 đến 100 nghìn con, trong đó khoảng 20% được nuôi trong trang trại.

+ Nuôi chim yến: Sản lượng tổ yến đạt khoảng 3.000 kg vào năm 2025 và 5.000 kg vào năm 2030.

- Thủy sản: Phát triển ngành thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và chiếm tỷ trọng lớn trong ngành nông nghiệp của tỉnh, dự kiến sẽ chuyển dịch chiếm khoảng 61-62% cơ cấu trong ngành nông nghiệp đến năm 2030, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa – hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao trong nước, khu vực và quốc tế; có thương hiệu uy tín với sản phẩm đa dạng phục vụ cho xuất khẩu và phát triển du lịch; hướng tới nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thủy

sản và công nghệ bảo quản, chế biến thủy sản; gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu phát triển với bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản. Trong đó:

+ Nuôi trồng thủy sản: Xây dựng Đề án nuôi biển công nghệ cao; quy hoạch không gian nuôi biển hợp lý; giao biển để nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch. Phát triển ngành nuôi thủy sản theo hướng nuôi tập trung công nghiệp, công nghệ hiện đại với các cơ sở sản xuất quy mô lớn; đối với hộ quy mô nhỏ thì áp dụng công nghệ cải tiến, nuôi hữu cơ, phối hợp nuôi lồng bè, ao hồ tập trung và luân canh/ xen canh... Tập trung hướng dẫn chuyển đổi từ hình thức nuôi bằng lồng bè gỗ truyền thống sang lồng bằng vật liệu mới (HDPE) chịu được sóng gió, đảm bảo an toàn và mỹ quan kết hợp với mô hình du lịch biển. Ưu tiên phát triển vùng nuôi chuyên canh chính cho các sản phẩm chiến lược, nuôi các loại giống mới có giá trị kinh tế, các sản phẩm chủ lực, kết hợp nuôi đa loài để tăng hiệu quả và giảm ô nhiễm môi trường. Ứng dụng công nghệ hướng đến tái tạo nước thải nuôi trồng, chế biến thủy sản, giảm sức ép lên môi trường. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phục vụ thủy sản tại các vùng nuôi chuyên canh. Hình thành tổ chức liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp sản xuất và hộ nông dân sản xuất nhỏ thông qua phát triển kinh tế hợp tác, tiến tới thành lập các Hợp tác xã trong nuôi trồng thủy sản và liên kết với các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm để ổn định thu nhập cho người dân. Chủ động trong việc cung ứng các đầu vào thiết yếu (giống, thức ăn, thuốc) và chế biến thủy sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo các vùng sản xuất giống thủy sản tập trung, đảm bảo an toàn sinh học, kiểm soát được chất lượng giống thủy sản trước khi cung cấp cho vùng nuôi thương phẩm. Cùng cố phát triển nuôi trồng thủy sản ven bờ kết hợp trồng và bảo vệ rừng ngập mặn. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, hiệu quả, bền vững, gắn với phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh, quốc phòng.

+ Khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác, giảm nghề khai thác mang tính hủy diệt nguồn lợi, cân đối với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; tái bố trí sinh kế của cộng đồng ngư dân sang phát triển nuôi trồng, chế biến thủy sản, dịch vụ du lịch, nghề cá giải trí... Tổ chức lại hoạt động khai thác hải sản vùng lồng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý. Tăng cường bảo vệ, phục hồi, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hình thành và mở rộng các khu bảo tồn biển, các khu đa dạng sinh học; phục hồi hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển bị suy thoái; xây dựng dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm khai thác thủy sản phục vụ thương mại và xuất khẩu; đầu tư cơ sở hạ tầng và kết hợp với hoạt động du lịch cộng đồng nhằm nâng cao đời sống cho cộng đồng ngư dân ven bờ. Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm,

chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tiếp tục áp dụng khoa học công nghệ và phát triển kinh tế hợp tác thu hút đầu tư doanh nghiệp để hiện đại hóa quản lý nguồn lợi thủy sản và hoạt động của đội tàu khai thác, hoàn chỉnh đầu tư dịch vụ hạ tầng cơ sở nghề cá tại các vùng tập trung ngư trường, hải đảo. Áp dụng khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, hiện đại hóa tàu cá, giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch; đảm bảo an toàn thực phẩm cho tàu cá, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có khả năng ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý, điều hành nghề cá, tăng cường khả năng dự báo thiên tai trên biển nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro trên biển. Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển, tham gia hiệu quả công tác hỗ trợ tìm kiếm cứu nạn, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của tổ quốc.

- Lâm nghiệp: Xây dựng ngành lâm nghiệp phát triển bền vững, góp phần đắc lực vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm nâng cao thu nhập của người dân trong lâm phận và vùng lân cận, góp phần xóa đói giảm nghèo cho lực lượng lao động tham gia sản xuất Lâm nghiệp trên địa bàn, bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, giữ vững quốc phòng và an ninh. Trong đó: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng, sử dụng có hiệu quả đất rừng sản xuất. Tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; đẩy mạnh tái sinh tự nhiên, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường; phát triển du lịch sinh thái và kinh tế dưới tán rừng góp phần phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh doanh đối với rừng trồng sản xuất; hình thành một số vùng chuyên canh tập trung, đạt tiêu chuẩn bền vững để đáp ứng cơ bản nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và sản xuất tiêu thụ công nghiệp. Tiến tới chấm dứt tình trạng phá rừng làm nương rẫy và khai thác lâm sản trái phép. Đẩy mạnh phát triển lâm sản ngoài gỗ, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học, nông lâm kết hợp. Phân cấp, giao quyền cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình trong việc quản lý, sử dụng rừng và đất rừng để huy động tối đa các nguồn lực xã hội trong quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững rừng và diện tích đất được quy hoạch cho lâm nghiệp, cải thiện sinh kế của người dân.

- Diêm nghiệp: Phát triển theo hướng tăng năng suất và bảo đảm giữ ổn định sản lượng, trong đó tăng sản lượng muối công nghiệp. Tập trung cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa đồng muối và mở rộng mô hình sản xuất muối sạch. Mục tiêu năm 2030 sản lượng muối đạt 95.000 tấn theo Quyết định số 1325/QĐ-TTg

ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ngành muối giai đoạn 2021-2030.

- Chế biến sản phẩm: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản mà địa phương có thế mạnh về nguồn nguyên liệu như:

+ Chế biến thủy sản: Tạo cơ chế vận động các doanh nghiệp đầu tư cho chế biến thủy sản, nhằm nâng cao số lượng và chủng loại các mặt hàng chế biến có giá trị gia tăng, tạo điều kiện đẩy mạnh xuất khẩu, bảo đảm các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu, đẩy mạnh đổi mới công nghệ gắn với sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn phổ biến của quốc tế và truy xuất nguồn gốc nguyên liệu khai thác.

+ Chế biến đường: Duy trì và nâng cấp công suất chế biến hai nhà máy đường, trong đó lưu ý tạo mối liên kết giữa nhà máy với người nông dân trồng mía để bảo đảm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và người trồng mía.

+ Chế biến rau, hoa quả: Tập trung thu hút đầu tư, hỗ trợ xây dựng phát triển hệ thống các cơ sở sơ chế, chế biến, song song với việc hình thành các vùng sản xuất rau an toàn hình thành các cơ sở sơ chế, chế biến rau ở các địa phương: thị xã Ninh Hòa, huyện Diên Khánh, huyện Cam Lâm ... để bảo đảm phục vụ du lịch và tiêu dùng của nhân dân.

+ Chế biến gỗ: Rà soát và quy hoạch lại mạng lưới chế biến lâm sản, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở chế biến lâm sản có công nghệ hiện đại sử dụng nguyên liệu tại chỗ, chế biến các mặt hàng xuất khẩu theo mô hình quản lý, sử dụng rừng bền vững; đồng thời, sắp xếp các cơ sở chế biến đồ gỗ nội thất, gia dụng các địa bàn nông thôn phục vụ nhu cầu tại chỗ trên cơ sở quản lý chặt chẽ nguyên liệu đầu vào.

+ Sản phẩm chăn nuôi: Xây dựng hoàn thiện và đưa vào hoạt động 05 địa điểm khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại xã Sông Cầu - huyện Khánh Vĩnh, xã Ba Cạm Bắc - huyện Khánh Sơn, xã Vạn Lương - Vạn Ninh, xã Ninh Sim - thị xã Ninh Hòa và phường Cam Nghĩa - thành phố Cam Ranh. Hình thành các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Tổ chức các khâu quan trọng trong sản xuất nâng cao hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững

- Thúc đẩy công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Xây dựng hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà.

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh liên kết công tư trong cung ứng giống có chất lượng, sạch bệnh. Thúc đẩy hợp tác quốc tế, nhập nội những giống có tình trạng tốt, phù hợp điều kiện Việt Nam; tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Đổi mới phương thức quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm; tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, phân bón vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học... Xây dựng các chương trình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) và sử dụng sinh vật có ích trên cây trồng chủ lực nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước, phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ... để giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Nghiên cứu, làm chủ các quy trình sản xuất thuốc, hóa chất, vaccine dùng trong nông nghiệp để chủ động nguồn cung, ứng phó kịp thời khi xảy ra dịch bệnh. Hình thành các hiệp hội sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, có đại diện tham gia cùng các cơ quan quản lý Nhà nước trong công tác điều hành, kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất, lưu thông, sử dụng các vật tư một cách minh bạch và hiệu quả.

- Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị, tập trung đối với các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư phát triển công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên đối với các công nghệ tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng ngành hàng. Nhà nước và các thành phần kinh tế cùng phối hợp tổ chức đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật sử dụng và sửa chữa, bảo trì máy móc nông nghiệp. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại, gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Tập trung xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh đảm bảo tiêu chuẩn bền vững, đáp ứng theo từng nhóm thị trường. Hình thành một số khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...) gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại. Xây dựng khu nông nghiệp công nghiệp cao. Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, an toàn sản xuất. Kết nối giao thông và logistic giữa tỉnh và các vùng lân cận nhằm tiếp cận thị trường nhanh chóng, tiết kiệm.

- Phát triển thương mại, kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông lâm thủy sản, bảo đảm cung ứng

kip thời, chất lượng và hạ giá thành sản xuất nông nghiệp. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản. Đầu tư nâng cao năng lực chế biến, bảo quản và các dịch vụ logistics cho các vùng chuyên canh, tập trung cho các sản phẩm nông sản thế mạnh của tỉnh. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, cung cấp đủ nguyên liệu đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho cơ sở chế biến. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị hiệu quả để phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại địa phương và xuất khẩu.

3. Thúc đẩy hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị, các mô hình nông nghiệp tiên tiến

- Chuyển mạnh từ xây dựng các “chuỗi cung ứng nông sản” sang phát triển các “chuỗi giá trị ngành hàng”. Ưu tiên hoàn chỉnh chuỗi giá trị cho các ngành hàng chủ lực, thế mạnh của tỉnh, hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị cho ngành hàng chủ lực của các địa phương. Tại các vùng chuyên canh quy mô lớn của các nông sản chủ lực, phát triển hợp tác xã, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ, hình thành không gian kinh tế chung giữa các địa phương tương đồng về điều kiện, “vượt qua” địa giới hành chính. Gắn kết các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các vùng chuyên canh, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...). Đánh giá hiệu quả các mô hình này để rút kinh nghiệm, nhân rộng quy mô, giới thiệu công nghệ và cách quản lý mới.

4. Phát triển kinh tế nông thôn tạo việc làm và tăng thu nhập cho dân cư nông thôn

Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, đảm bảo thu nhập:

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ ở khu vực nông thôn, có các chính sách thu hút đầu tư để khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các ngành sử dụng nhiều lao động. Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập của lao động nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế; xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người học.

- Hỗ trợ hình thành phát triển các tổ chức kinh tế (hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh có đăng ký, tổ chức của hội nông dân ...) để người lao động có hợp đồng làm việc. Phát triển các tổ chức của nông dân, người lao động (đổi mới hoạt động hội nông dân, tổ chức các nghiệp đoàn, công đoàn lao động theo các ngành nghề, lĩnh vực hoạt động) để bảo vệ quyền lợi cơ bản và hỗ trợ hiệu quả người lao động trong công tác đào tạo kỹ năng gắn với nhu cầu của thị trường, trang bị bằng cấp, cho vay vốn, hỗ trợ bảo hiểm xã hội, giúp tiếp cận thị trường lao động chính thức.

- Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp cả về chiều rộng và chiều sâu; đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động; hỗ trợ thành viên thông qua việc nâng cao nhận thức của toàn dân về kinh tế tập thể, hợp tác xã; tăng cường năng lực của các tổ chức kinh tế hợp tác nhằm phát huy hơn nữa vai trò liên kết, hợp tác, hỗ trợ thành viên và cộng đồng; tăng cường năng lực cạnh tranh của kinh tế hộ gia đình trong điều kiện cơ chế thị trường; phấn đấu phát triển nhiều Hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao để sản xuất các sản phẩm chủ lực.

- Nâng cao hiệu quả, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho nông dân phát triển kinh tế, trang trại và kinh tế hợp tác. Khuyến khích, vận dụng các chính sách hỗ trợ để nông dân tại các vùng chuyên canh tham gia các chương trình đào tạo có chứng chỉ để sản xuất ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và các yêu cầu mới của thị trường (nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp trách nhiệm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao,...), đồng thời vận dụng các chính sách hỗ trợ như tín dụng ưu đãi, hỗ trợ bảo hiểm, hỗ trợ liên kết, tiêu thụ nông sản... Thông qua hợp tác xã và hội nông dân xây dựng chương trình, tổ chức các lớp đào tạo miễn phí nhằm nâng cao trình độ chuyên môn về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sử dụng máy móc cơ giới, sử dụng phân bón, thuốc hóa học đúng cách, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý,...

5. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại gắn với đô thị hóa, giữ gìn văn hóa truyền thống

- Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại, y tế giáo dục, văn hóa, thể thao; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa... Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Tiếp tục đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí, nhắm tới mục tiêu nâng cao số xã, số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; duy trì thành quả và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với xã đã đạt chuẩn nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Tập trung nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đầu tư các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí, bảo đảm bền vững. Khuyến khích xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”. Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, làng nghề, góp phần thu hẹp khoảng cách thụ hưởng dịch vụ xã hội cơ bản với thành thị.

- Xây dựng Nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển dịch vụ xã hội có chất lượng tiệm cận với thành thị, “khu đô thị sinh thái”; phát triển các đô thị vệ tinh giảm tải cho các đô thị chính và từng bước đưa đô thị phát triển về địa bàn nông thôn; tiếp tục phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề với các sản phẩm truyền thống gắn với thị trường tiêu thụ và thương hiệu sản phẩm; phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn trên cơ sở bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương. Bên cạnh đó, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và phát triển các khu dân cư tập trung có quy mô thích hợp liên kết với đô thị ở các cấp địa phương.

6. Phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng phúc lợi xã hội ở nông thôn

- Lấy người dân nông thôn là chủ thể, trọng tâm phát triển, đảm bảo tiếp cận bình đẳng các nguồn lực phát triển (vốn, đất, nước, năng lượng, khoa học công nghệ,...), các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội (dinh dưỡng, y tế, giáo dục, thể thao, văn hóa, thông tin, giao thông...), các cơ hội (học, làm việc, thị trường,...). Vận dụng các chính sách phúc lợi xã hội công bằng (nhà ở và nơi định cư, bảo hiểm chữa bệnh, chế độ về hưu,...) cho người dân nông thôn; hướng tới bình đẳng giới. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch họa, dịch bệnh và các biến động bất lợi.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo bền vững, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, dứt điểm việc xóa đói và tiến đến xóa nghèo. Đối với những người nghèo ở các vùng thuận lợi thì tạo điều kiện cung cấp tài nguyên, tạo nguồn sinh kế để họ tự tin, chủ động vươn lên cải thiện đời sống. Đối với các ở địa phương nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số thì tập trung ưu tiên hỗ trợ, mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng dễ bị tổn thương, các đối tượng yếu thế.

7. Xây dựng cộng đồng vững mạnh làm nòng cốt phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp

- Cùng cố truyền thống văn hóa tốt đẹp và quan hệ gắn kết cộng đồng đa dạng tại nông thôn (thôn bản, dòng họ, hội quán...) để chủ động phát huy nội lực và tinh thần tự chủ, tự hào, đoàn kết, sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, phát triển du lịch nông thôn, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Hỗ trợ và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương, đấu tranh đẩy lùi hủ tục, văn hóa ngoại lai, không phù hợp, thiết thực phát huy các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò của các tổ chức cộng đồng, quy ước, hương ước, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” nhằm tạo động lực để khơi dậy sức mạnh và nguồn lực nhân dân trong quá trình phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, quản lý và bảo vệ rừng, tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở. Có chính sách và ưu tiên dành nguồn lực tạo điều kiện

thuận lợi đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn ở tất cả các cấp (nhất là ở cấp cơ sở), một cách chính quy với các chương trình và hình thức phù hợp.

8. Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thích nghi biến đổi khí hậu

- Phát triển cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường như chăn nuôi, nuôi trồng và khai thác thủy sản, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải... cách xa các khu đô thị, vùng dân cư đông dân, khu du lịch nghỉ dưỡng.... Tập trung trồng lại rừng phòng hộ và đặc dụng, phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, các hồ chứa để bảo vệ chặt chẽ những vùng nhạy cảm về sinh thái, môi trường.

- Từng bước giảm dần sức ép của phát triển kinh tế - xã hội với môi trường bằng các giải pháp như: chấm dứt lạm dụng hóa chất, nguyên vật liệu tổng hợp, khó phân hủy; tạo điều kiện tái tạo các nguồn tài nguyên cơ bản như đất, nước, năng lượng (sản xuất năng lượng tái tạo, tích lũy nước mưa, xử lý rác thải ở quy mô hộ, quy mô cơ sở sản xuất,...); đẩy mạnh chế biến sâu, tận dụng phụ phẩm nông sản để chủ động xử lý ô nhiễm ngay tại nguồn. Thường xuyên khảo sát, đánh giá trữ lượng tài nguyên sinh học trên biển để điều tiết năng lực đánh bắt; xác định các giải pháp điều tiết xâm nhập mặn ở cửa sông, cửa biển theo nguyên tắc “Không hồi tiếc” để duy trì cân đối sinh thái sông - biển, đảm bảo khả năng tái tạo đa dạng sinh học và duy trì năng lực tự làm sạch ô nhiễm của tự nhiên.

- Chủ động thích ứng biến đổi khí hậu bằng áp dụng các biện pháp canh tác thích nghi với điều kiện tự nhiên, môi trường; áp dụng các biện pháp kỹ thuật thân thiện với môi trường như làm đất tối thiểu, bón phân và phun thuốc thông minh, tưới tiết kiệm nước, chăn nuôi tiết kiệm nước, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu... Tăng cường sử dụng nguyên liệu vi sinh hoặc hữu cơ, áp dụng kỹ thuật thông minh, kinh tế tuần hoàn để tiết kiệm đầu vào, phát triển mạnh tiềm năng sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp nông nghiệp để giảm bớt lượng nguyên liệu hóa thạch, giảm phát thải cacbon. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn trên bờ và phát triển nuôi trồng các loại rong tảo trên biển để hấp thụ bớt cacbon.

V. CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Công tác tuyên truyền

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai

đoạn phát triển mới, về cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Xây dựng Chương trình tuyên truyền, thống nhất từ nhận thức đến hành động của từng nhóm đối tượng với những nội dung chính như:

- Phát triển nền nông nghiệp bền vững: Đảm bảo cơ hội phát triển cho các thế hệ tương lai, khả năng thích ứng và chống chịu biến động, cân đối, hài hòa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế, tái tạo nguyên liệu, năng lượng,...trong sản xuất.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp sinh thái: Áp dụng các quy trình sản xuất thân thiện môi trường, bảo vệ cảnh quan; sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư và tài nguyên đầu vào, không gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khỏe con người; tôn trọng và vận dụng các quy luật tự nhiên để phát triển nông nghiệp thuận thiên, đa dạng.

- Chuyển từ ngành sản xuất sang phát triển nền kinh tế nông nghiệp. Từ phạm vi sản xuất nông nghiệp sang tích hợp đa ngành dịch vụ, công nghiệp; từ đơn giá trị nông sản sang tích hợp sản phẩm đa giá trị; từ tập trung hỗ trợ người sản xuất sang hỗ trợ tất cả các tác nhân trong chuỗi giá trị.

- Nông nghiệp công nghệ cao: Phát triển và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị, chất lượng, khả năng thích nghi, hiệu quả sản xuất, giảm tổn thất... Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, ứng dụng công nghệ số,...

- Phát triển nông nghiệp có trách nhiệm: Đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường sinh thái và công bằng xã hội, thích ứng biến đổi khí hậu...; bảo vệ quyền lợi, chính đáng của người sản xuất và kinh doanh, đảm bảo công bằng cho người sản xuất nhỏ, các đối tượng yếu thế. Phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với thị trường nội địa.

- Đẩy mạnh tư duy phát triển bao trùm: Gắn kết giữa nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, giữa các địa phương thông qua phát triển chuỗi giá trị trong nước và tiến xa hơn là chuỗi giá trị toàn cầu; giữa kinh tế nông thôn và kinh tế đô thị, hộ nông dân với doanh nghiệp trong nước và nước ngoài...

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, xây dựng mô hình trình diễn, hình thành lực lượng tư vấn, xây dựng giáo trình để từng bước chuyển đổi tư duy từ trung ương đến địa phương, toàn thể các tác nhân trong ngành.

2. Đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với chuỗi cung ứng toàn cầu. Phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, các hình

thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Vận dụng các chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất hiệu quả tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng quy mô sản xuất.

- Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động công ích, kết hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức sản xuất, năng lực và vai trò của các tổ chức hợp tác của nông dân trong việc tổ chức sản xuất theo chuỗi từ cung cấp dịch vụ đầu vào, bảo quản, chế biến nông sản và tiếp cận thị trường.

- Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, phát triển hợp tác xã trở thành tác nhân kinh tế quan trọng trong sản xuất và tiêu thụ, kết nối các thành phần trong chuỗi giá trị từ tổ chức sản xuất, cung ứng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm để tạo tiềm lực mạnh, nâng cao khả năng cạnh tranh, nâng cao hiệu quả trong sản xuất; đưa kinh tế tập thể trở thành thành phần kinh tế có vai trò quan trọng trong việc giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện bộ mặt nông thôn, tổ chức về liên kết chuỗi. Khuyến khích và hỗ trợ các hợp tác xã phát triển thành doanh nghiệp, hợp tác xã chủ động xây dựng chuỗi giá trị nông sản... khuyến khích liên kết các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc vùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô, nâng cao hiệu quả.

- Hình thành hệ thống các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ kêu gọi các doanh nghiệp liên kết với nông dân, dẫn dắt chuỗi giá trị và phát triển thị trường. Xây dựng và phát triển vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp. Phát huy vai trò của các Hiệp hội như (VCCI, hội nghề cá, hội nông dân...) trong công tác nghiên cứu và mở rộng thị trường, đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng trong đàm phán và mở cửa thị trường cho nông sản của tỉnh xuất khẩu.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề; Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ

cầu lao động, gắn với giải quyết việc làm, xu hướng và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn của từng vùng miền.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp. Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả một số chương trình nghiên cứu lớn, gồm: Chương trình nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, Chương trình phát triển các sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp, Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, bao gồm công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành.

- Vận dụng cơ chế, chính sách của Trung ương và ban hành các chính sách đặc thù của địa phương phù hợp nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và hợp tác công - tư trong nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Tiếp tục phấn đấu phát huy hiệu quả các cơ sở: Trại Thực nghiệm giống cây trồng Suối Dầu, Trại thực nghiệm Ninh Lộc, Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao; Vùng sản xuất và kiểm định tôm giống tập trung Ninh Vân phối hợp với sự hỗ trợ của các cơ sở nghiên cứu chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trường Đại học Nha Trang, Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản III... để chuyển giao ứng dụng khoa học vào sản xuất.

- Đổi mới hoạt động của các tổ chức nghiên cứu khoa học theo hướng nâng cao tính tự chủ; đẩy mạnh cơ chế đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ (nhà nước - tổ chức nghiên cứu - doanh nghiệp - tổ chức chuyển giao và nông dân) nhằm gắn chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn, đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả đầu tư. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và nông dân tham gia đổi mới sáng tạo thông qua các chính sách của nhà nước Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ, trọng dụng và có hướng phát triển đổi mới với lực lượng nghiên cứu khoa học tránh tình trạng chảy máu chất xám, bồi dưỡng lực lượng chuyên gia chuyên ngành.

- Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao hiệu quả của hoạt động khuyến nông, đảm bảo bộ máy tinh, gọn, hiệu quả, phù hợp với từng loại hình sản xuất và địa phương; tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp; phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ cao thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng hiện đại trong bảo quản, chế biến nông sản. Tuân thủ chặt chẽ hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành; hài hòa hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

4. Phát triển thị trường trong và ngoài nước đảm bảo đầu ra ổn định cho nông sản:

- Với thị trường trong nước: Đổi mới hệ thống phân phối nông sản trong nước; kết nối hệ thống chế biến, phân phối và bán lẻ hiện đại, truyền thống với các chuỗi cung ứng nông sản và gắn với các vùng, liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước.

Hiện đại hóa hệ thống chợ, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, chất lượng hàng hóa, bảo đảm an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, hỗ trợ các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hệ thống trang thiết bị, kinh phí hoạt động để các tổ chức nông dân và hợp tác xã chủ động xây dựng được hệ thống kinh doanh bán lẻ tại các thị trường nội địa chính trong nước.

- Với thị trường xuất nhập khẩu: Chủ động phát huy cơ hội các Hiệp định thương mại tự do đã được ký kết để giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường. Không khuyến khích hình thức buôn bán tiểu ngạch qua biên giới, thúc đẩy kinh doanh chính ngạch; xây dựng các chuỗi vận tải hàng hóa kết nối trực tiếp bằng đường sắt và container đường biển. Các cơ quan chức năng chủ động phối hợp với các Hiệp hội doanh nghiệp để giải quyết và tháo gỡ những hàng rào kỹ thuật, các tranh chấp pháp lý quốc tế. Phân cấp và trao quyền để các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp chủ động tham gia, đảm bảo hiệu quả các hoạt động xúc tiến

thương mại. Xây dựng cơ chế cung cấp thông tin hiệu quả, kịp thời để doanh nghiệp và người sản xuất chủ động thích nghi với những thay đổi về chính sách, các cam kết thương mại quốc tế. Kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu nông sản, đảm bảo an toàn thực phẩm, an toàn sinh học, bảo vệ hợp lý sản xuất trong nước.

- Xây dựng kế hoạch, tập trung triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức sản xuất, từng bước tiếp cận thị trường bên vững theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ phát triển theo hướng nội sinh và gia tăng giá trị nhằm khai thác sản phẩm thế mạnh, đặc hữu của địa phương, tạo tiền đề cho phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường nông sản đáp ứng yêu cầu của ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, quy mô lớn và bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Nâng cao năng lực dự báo, đánh giá, cảnh báo thông tin về thị trường các nông sản chủ lực, kịp thời cung cấp thông tin để các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và người dân chủ động điều chỉnh sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng thừa cung, ứ ứ hàng hóa, đứt gãy chuỗi cung ứng. Ứng dụng công nghệ số để giám sát nguồn cung chặt chẽ tại các vùng sản xuất nông nghiệp chính, đánh giá nhu cầu tại các thị trường chính trong và ngoài nước, giám sát lưu thông, tồn trữ hàng hóa vận chuyển tại các cửa khẩu giao dịch chính. Hỗ trợ năng lực tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân (xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu,...).

5. Xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn, vùng sản xuất công nghệ cao, gắn với xây dựng đồng ruộng. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu (phòng chống lũ, hạn, sởi lở, nhiễm mặn,...); bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập. Theo kết quả tính toán cân bằng nước sơ bộ toàn tỉnh lượng nước đến cả năm trên địa bàn tỉnh thừa khoảng 2,38 tỷ m³ nước vào mùa mưa, 08 tháng mùa khô thiếu 650 triệu m³ nước; dự báo đến năm 2035 trong điều kiện biến đổi khí hậu lượng nước thừa mùa mưa tăng lên đạt 2,43 tỷ m³, lượng nước thiếu mùa khô tăng lên khoảng 806 triệu m³. Do đó, để đảm bảo tích trữ nước nhằm cung cấp nước tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và nhu cầu cấp nước cho công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh cần ưu tiên thực hiện đầu tư xây dựng mới thêm một số hồ chứa nước mới như:

+ Hồ chứa nước Sông Cạn (thành phố Cam Ranh) với tổng dung tích toàn bộ ứng với MNDBT là 8,29 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 488 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Sông Bung (thị xã Ninh Hòa) với tổng dung tích 7 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 600 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Sông Đá (thị xã Ninh Hòa) với tổng dung tích 6 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 400 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Ba Hồ (thị xã Ninh Hòa) với tổng dung tích 5 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 250 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Công Dinh (huyện Khánh Vĩnh) với tổng dung tích 0,65 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 80 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Sơn Bình (huyện Khánh Sơn) với tổng dung tích 3,13 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 220 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Sơn Lâm (huyện Khánh Sơn) với tổng dung tích 0,55 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Suối Sâu (huyện Cam Lâm) với tổng dung tích 1,53 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 200 tỷ đồng.

+ Xây dựng hồ chứa nước Đồng Điền (huyện Vạn Ninh) với hình thức PPP, tổng dung tích 95 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 7.000 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Chà Rang (thị xã Ninh Hòa) với tổng dung tích 6 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 401 tỷ đồng.

+ Hồ chứa nước Sơn Trung (huyện Khánh Sơn) với tổng dung tích 2,74 triệu m³, tổng mức đầu tư dự kiến 265 tỷ đồng.

+ Nâng cấp hồ chứa nước Cam Ranh tăng thêm khoảng 7,0 triệu m³ và xây dựng thêm tràn phụ để đảm bảo tích nước phục vụ cấp nước trong mùa hạn và điều tiết an toàn trong mùa lũ với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 200 tỷ đồng.

+ Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Đá Bàn với tổng mức đầu tư dự kiến 400 tỷ đồng.

+ Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Am Chúa tăng thêm dung tích khoảng 3 triệu m³ với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 70 tỷ đồng.

+ Dự án hệ thống dẫn nước Hồ chứa nước Sông Chò 1 (có nhiệm vụ tiếp nước cho khu tưới các hồ Cam Ranh, Suối Dầu và cấp nước sinh hoạt, du lịch và công nghiệp cho các khu vực Khánh Vĩnh, Cam Ranh, Cam Lâm)

+ Hồ chứa nước Km8 thành phố Cam Ranh (trước đây do Quân đội quản lý, hiện nay đã bàn giao cho UBND thành phố Cam Ranh quản lý).

+ Đầu tư sửa chữa, nâng cấp và kiên cố hóa một số tuyến kênh chính như: Kênh Cầu đôi Suối Dầu, Kênh hồ chứa nước Láng Nhót, kênh hồ Suối Hành, kênh hồ Đá Bàn...và nâng cấp, sửa chữa một số đập dâng và hệ thống kênh chính của đập dâng đã bị hư hỏng, xuống cấp như: Đập dâng Giỏ Tá, Chì Trừ, Bến Bấp, Đập Cùmg, Sông Cái, Dốc Đá Trắng

- Phát triển hệ thống cảng cá, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền tránh trú bão, cơ sở hạ tầng dịch vụ nghề cá kết hợp với cơ sở hạ tầng phục vụ chế biến thủy sản. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo thiên tai đến người dân trên cả nước và tàu thuyền hoạt động trên biển. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi trồng thủy sản trên bờ và trên biển, cơ sở sản xuất giống thủy hải sản tập trung của tỉnh; hoạt động khảo nghiệm kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản.

- Phát triển hạ tầng cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn phù hợp với văn hóa, tập quán, điều kiện cụ thể của từng địa phương, đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của ngành, lĩnh vực khác, đảm bảo an toàn, bền vững trước tác động thiên tai, biến đổi khí hậu nhằm đáp ứng mục tiêu tổng thể là đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; đảm bảo vệ sinh hộ gia đình và khu vực công cộng, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh.

- Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp, ứng dụng công nghệ để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển nhằm phòng, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà để đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ, phục vụ công tác nghiên cứu, bảo tồn hệ sinh thái đặc dụng, bảo vệ quỹ gen, bảo đảm đa dạng sinh học; xây dựng cơ chế tạo nguồn thu dịch vụ môi trường, du lịch sinh thái; thí điểm mô hình đồng quản lý, chia sẻ lợi ích với người dân sống liền rừng nhằm bảo vệ, phát triển bền vững khu bảo tồn và nâng cấp thành Vườn Quốc Gia.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, ưu tiên công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai nhất là hệ thống đê điều,

cống, đập ngăn lũ, ngăn mặn và triều cường. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xung yếu, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, đường, trường, trạm, viễn thông) cho những vùng khó khăn. Ưu tiên phát triển đường, điện cho vùng sản xuất tập trung.

- Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung quy mô lớn với các đường tỉnh lộ hay quốc lộ kết nối không gian phát triển giữa các vùng, khu vực, địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ chuỗi lạnh, vận chuyển nông sản tươi sống, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ công tác thú y, kiểm dịch thực vật đảm bảo an toàn thực phẩm. Phát triển các khu công nghiệp và dịch vụ phục vụ nông nghiệp gắn với các vùng chuyên canh, trung tâm thu gom nông sản ở vùng sản xuất trung tâm cung ứng nông sản kết nối thị trường trong nước với quốc tế, hình thành hệ thống chợ đầu mối đa chức năng, sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực, xây dựng các trung tâm hậu cần biên mậu. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường (xử lý tái tạo nước thải, rác thải, tái sử dụng phế, phụ phẩm,...).

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật số phục vụ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, tạo điều kiện hiện đại hóa nông thôn. Phát triển nền tảng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử và thương mại điện tử.

6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

- Triển khai thực hiện cải cách hành chính, đổi mới, hoàn thiện hệ thống bộ máy quản lý ngành. Cải cách thể chế, thủ tục hành chính, cơ quan quản lý tập trung vào xây dựng chính sách, chiến lược, pháp luật, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tháo gỡ các vấn đề về phát triển thị trường, bảo vệ sản xuất, biến đổi khí hậu; hạn chế can thiệp bằng các biện pháp hành chính vào các quyết định sản xuất, kinh doanh thuộc năng lực và trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung nhân lực, nguồn lực vào những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, kiến tạo ra giá trị mới cho ngành, tăng cường phân cấp cho địa phương. Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Đổi mới tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ

nhiệm công chức, viên chức đảm bảo chất lượng năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm.

- Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng triệt để trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, được đầu tư theo hiệu quả đóng góp. Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, kinh tế hợp tác và khối tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,... gắn với kinh tế hợp tác, với hiệp hội Doanh nghiệp. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hệ thống tư vấn, dịch vụ kỹ thuật phục vụ khách hàng tại các vùng sản xuất thuận tiện. Tập trung cán bộ và kinh phí nhà nước vào dịch vụ bảo vệ sản xuất (thú y, bảo vệ thực vật, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm lâm, phòng chống thiên tai...) để phòng chống dịch bệnh, quản lý rủi ro. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống, kiểm soát hàng hóa, kiểm soát thị trường, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

- Đổi mới, nâng cao vai trò của Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã để thực sự trở thành đại diện bảo vệ quyền lợi và phục vụ cho nông dân và xã viên hợp tác xã. Nâng cao vị thế, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; các hội, hiệp hội nghề nghiệp, đưa các tổ chức xã hội ở nông thôn vào tham gia quá trình phát triển kinh tế xã hội, môi trường, thể chế trong nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng cộng đồng dân cư ở nông thôn hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh theo phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng" để người dân thực sự đóng vai trò chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển.

7. Thúc đẩy chuyên đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn

- Phát triển và hướng đến đồng bộ các công cụ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình làng thông minh, làng nông thuận thiên ứng dụng công nghệ số.

Có chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyên đổi số trong nông nghiệp. Tăng đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử. Phát triển khuyến nông điện tử, thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh, thiên tai; quản lý vùng nguyên liệu.

- Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

8. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro

- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu để thích ứng, phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng "thuận thiên". Áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đầu vào; xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, chất thải nông nghiệp; quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới (nhất là rừng gỗ lớn) và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ các-bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp. Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao các giống vật nuôi, cây trồng thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ, khuyến khích các giải pháp tiết kiệm nước.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro là cơ sở đề ra các giải pháp đồng bộ, chủ động bảo vệ sản xuất nước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, đảm bảo nguyên tắc phát triển hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường.

9. Hội nhập và hợp tác quốc tế

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, tiếp cận khoa học công nghệ phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng

các nguồn vốn phát triển chính thức (ODA), tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững.

- Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương đã ký kết có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ và giám sát thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các FTAs.

- Triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu, hài hòa hóa quy định trong nước với quốc tế.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NỘI DUNG TRỌNG TÂM

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

VII. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án, dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2030.

- Kinh phí huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện. Thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh. Tham mưu xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phát triển nông nghiệp phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của tỉnh, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất, bảo quản, chế biến – tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistics, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn bền vững; điều chỉnh cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.

3. Sở Tài chính

Sở Tài chính tổng hợp, cân đối kinh phí theo khả năng cân đối Ngân sách từng năm để tham mưu trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nội dung triển khai Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn bền vững đối với nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên theo đúng quy định.

4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển thương mại thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; Hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia hoạt động kinh doanh thương mại điện tử; Triển khai hiệu quả Kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, Kế hoạch thực hiện Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các chính sách thương mại hàng nông sản, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế. Phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng và triển khai hiệu quả Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021-2025; Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển nông thôn miền núi giai đoạn 2021-2025; Chương trình đổi mới sáng tạo giai đoạn 2020-2025; Chương trình Sở hữu trí tuệ giai đoạn 2020-2025. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp nông thôn, chuyển giao công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới trong bảo quản và chế biến nông lâm, thủy sản có sự tham gia của doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho người dân... phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu, đề xuất các nội dung liên quan đến định hướng khuyến khích tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp, hỗ trợ triển khai các hoạt động chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tham gia thẩm định, góp ý đối với các nhiệm vụ, dự án về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, Công Thông tin điện tử tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền thực hiện phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo

Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn; đào tạo nghề phải gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...)

9. Sở Du lịch

Sở Du lịch phối hợp, hỗ trợ kết nối phát triển mô hình du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát huy làng nghề truyền thống và văn hóa địa phương; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

10. Sở Văn hóa và Thể thao

Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp trong thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong công cuộc phát triển ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Theo dõi, triển khai và phối hợp báo cáo kết quả thực hiện phát triển ngành nông nghiệp của địa phương. Đề xuất các kiến nghị, giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc của địa phương trong quá trình triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, NỘI DUNG TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-UBND ngày 7/7/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Nội dung	Cơ quan chủ trì tham mưu	Cơ quan phối hợp	Thời gian triển khai	Ghi chú
I	Thực hiện đột phá chiến lược về hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách và quy hoạch giai đoạn 2021-2030				
1	Phối hợp triển khai "Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
2	Phối hợp triển khai "Quy hoạch không gian biển quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045" do Bộ Tài Nguyên và Môi trường chủ trì	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
3	Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
4	Quy hoạch phát triển thủy lợi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015-2025 và định hướng đến năm 2035	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030	
II	Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển nông nghiệp số				
1	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
2	Kế hoạch chuyển đổi cây trồng tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
3	Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển chăn nuôi tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
4	Kế hoạch phòng, chống bệnh Lở mồm long móng, bệnh Cúm gia cầm, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
5	Kế hoạch triển khai Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
6	Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 theo nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/08/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành

7	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án trồng mới 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
8	Đề án đổi mới, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
9	Kế hoạch triển khai đề án nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
10	Đề án nâng cao giá trị sản xuất và chế biến muối giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
11	Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
12	Kế hoạch xây dựng các khu giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
13	Chương trình khuyến nông tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2022 - 2026	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2026	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
14	Đề án phát triển, nhân rộng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
15	Kế hoạch triển khai chống khai thác hải sản bất hợp pháp không báo cáo và không theo quy định (IUU) trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	
16	Kế hoạch triển khai Chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên các cây trồng chủ lực, có giá trị kinh tế cao và tiềm năng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2023	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2023	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
17	Triển khai Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 23/12/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 1975/QĐ-TTg ngày 02/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về "Bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
18	Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn tập trung, bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	

19	Đề án phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả tập trung bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
III	Đổi mới cơ cấu đầu tư công, thu hút nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn				
1	Phối hợp, triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
2	Phối hợp, triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu do Bộ Công Thương ban hành	Sở Công Thương	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành khi có hướng dẫn của Bộ Công thương
3	Triển khai có hiệu quả Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 05/07/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	
IV	Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nền nông nghiệp tích hợp đa giá trị và phát triển nông thôn hiện đại, bền vững				
1	Phối hợp triển khai "Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu ca thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan	2021-2030	
2	Triển khai Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021 của HĐND tỉnh; Công văn 10976/UBND-KT ngày 02/11/2021 về quy định về phân cấp, khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	
3	Triển khai Nghị quyết số 09/NQ/2021/NQ-HĐND ngày 19/10/2021; Công văn 10977/UBND-KT ngày 02/11/2021 về việc quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nhiệm vụ thường xuyên	
V	Phát triển nguồn nhân lực; nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ				
1	Đề án "Quản lý, sử dụng và phát triển nhân lực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	
2	Phối hợp triển khai "Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050" do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	

3	Đề án Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
4	Kế hoạch chuyển đổi số Sở Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2021-2030 tại Quyết định số 295/QĐ-SNN ngày 04/05/2022	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
5	Kế hoạch triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
6	Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
7	Đề án xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban ngành liên quan	
8	Triển khai Đề án đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông thôn theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban ngành liên quan	
VI	Phát triển hợp tác, liên kết các vùng, khu kinh tế, kết nối nông thôn - đô thị; đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh				
1	Phối hợp triển khai thực hiện "Đề án thành lập mới các khu bảo tồn biển, phục hồi các hệ sinh thái biển đến năm 2025, để đảm bảo diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3% diện tích các vùng biển Việt Nam" do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
VII	Phát triển nông thôn; xây dựng xã hội nông thôn văn minh, hiện đại				
1	Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
2	Đề án thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
3	Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao; các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
4	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng Nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành

5	Phối hợp triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025	Ban Dân tộc	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
6	Phối hợp triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	
7	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành
8	Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
VIII Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan					
1	Phối hợp triển khai "Kế hoạch hành động thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 trong lĩnh vực nông nghiệp" do Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
2	Phối hợp triển khai Đề án phát triển trị trường các bon tại Việt Nam do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
3	Phối hợp triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia giai đoạn 2021-2030 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
4	Phối hợp triển khai "Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
5	Phối hợp triển khai Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2030	
6	Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	Tiếp tục xây dựng và triển khai giai đoạn tiếp theo sau khi hoàn thành

